

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty thành viên của *JPA International*
Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM
Tel : +84 (28) 3859 4168 Fax : +84 (28) 3859 2285
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 06
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	09 - 10
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 29
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	30



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Thuận Hưng được đăng ký kinh doanh lần đầu số 0703000328 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 10 tháng 11 năm 2003. Ngày 22 tháng 04 năm 2010, Công ty Cổ phần Thuận Hưng được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600324084, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 10 tháng 11 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ : 29.550.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTT.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (24) 38 861 1968
- Mã số thuế : 0 6 0 0 3 2 4 0 8 4

3. Ngành nghề kinh doanh

- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại; Sản xuất máy luyện kim; Sản xuất máy chuyên dụng khác; Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén; Sản xuất máy thông dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đấu giá;
- Sửa chữa thiết bị thiên lạc; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghệ; Sửa chữa máy móc, thiết bị; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Thoát nước và xử lý nước thải;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại;
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời như: Sân vận động bóng đá, khúc côn cầu, bóng chày, bể bơi và sân vận động;



0324

CÔNG
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
ĐẦU TƯ
KTT

4 PH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: không bao gồm kinh doanh quán bar;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống); Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Không bao gồm hoạt động đầu giá;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Xây dựng nhà để ở; nhà không để ở; công trình cấp, thoát nước; công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình công ích khác; công trình thủy; công trình khai khoáng; công trình chế biến, chế tạo; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật; Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giầy da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đóng tàu và cấu kiện nổi; Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí (Không hoạt động tại trụ sở chính);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán khoáng sản; bán buôn hóa chất công nghiệp; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phân bón thuốc trừ sâu và hóa chất; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; bán buôn cao su, tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà xưởng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng bằng đường bộ;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Xây lắp đường dây và trạm biến áp điện;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tét bện;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán lương thực, hàng nông, lâm thủy hải sản, phân bón nông nghiệp (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán các thiết bị máy văn phòng, văn phòng phẩm, hóa chất ngành in; bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn quặng kim loại, sắt, thép, kim loại khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục);
- Xây dựng công trình đường sắt; đường bộ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;



084
TY
ÂN
ĐẦU
T
5 H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa;
- Phá dỡ; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ uống;
- Công nghệ thông tin; Quảng cáo; Xuất bản phần mềm;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị ngành điện;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch	16/05/2020	-
Đặng Thùy Dương	Thành viên	16/05/2020	-
Nguyễn Thị Nhân	Thành viên	16/05/2020	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Thùy Dung	Trưởng ban	16/05/2020	-
Phạm Văn Hải	Thành viên	17/04/2021	-
Lê Thị Thu Hà	Thành viên	17/04/2021	-
Trần Thị Hoa	Thành viên	16/05/2020	17/04/2021
Phan Thị Hương	Thành viên	16/05/2020	17/04/2021

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Đặng Thùy Dương	Tổng Giám đốc	14/09/2020	-
Nguyễn Thị Nhân	Phó Tổng Giám đốc	09/03/2021	-
Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2021	09/06/2021
Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	06/05/2020	-



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Hiếu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 09 đến trang 30.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

312817
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
TOÁN VÀ T
QUẢN V
TP. HỒ

M.S.D.N: 06
C
C
TẬP
THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng Quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

S-C...
UHAN
UVAN
IET
CHÍ M

032
ÔNG
Ô P
ĐOÀN
K
H PI



Số: 2198/22/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 09 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

T.N.H.H
H.N.H.

400
TY
HÀN
ĐÀ
T
H

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Tại Thuyết minh V.5, Phải thu về cho vay ngắn hạn với số tiền là 17.794.000.000 đồng, đây là khoản cho các cá nhân vay không có tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

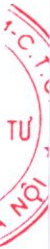


Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số: 1512-2018-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Hoàng Thái Tân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số: 2817-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		298.566.976.270	102.503.924.085
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	11.198.979.916	2.132.409.238
111	1. Tiền		11.198.979.916	2.132.409.238
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.450.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	4.450.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		194.046.213.780	95.761.591.065
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	60.193.142.232	75.312.049.881
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	101.974.850.000	6.649.538.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	17.794.000.000	8.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	14.084.221.548	5.000.003.184
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	81.808.689.001	4.556.518.359
141	1. Hàng tồn kho		81.808.689.001	4.556.518.359
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.063.093.573	53.405.423
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		18.251.477	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.038.103.833	53.405.423
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	6.738.263	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		16.012.229.167	6.224.543.600
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.000.000.000	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.6b	10.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		1.012.229.167	29.900.781
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	1.012.229.167	29.900.781
222	- Nguyên giá		1.361.787.014	71.572.727
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(349.557.847)	(41.671.946)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.9	5.000.000.000	5.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	1.194.642.819
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	1.194.642.819
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		314.579.205.437	108.728.467.685

0303
C
TRÁCH
IỂM T
CHU
15-

M.S.D.N.P
T
THA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Địa chỉ: 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		277.442.695.225	73.941.417.235
310	I. Nợ ngắn hạn		277.442.695.225	73.941.417.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	83.332.594.775	35.462.463.988
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	44.852.050.000	1.921.679.694
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	277.906.743	206.737.385
314	4. Phải trả người lao động		-	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	45.636.205.144	9.614.886.168
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	103.343.938.563	26.735.650.000
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.136.510.212	34.787.050.450
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	37.136.510.212	34.787.050.450
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		29.550.000.000	29.550.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.586.510.212	5.237.050.450
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.237.050.450	4.180.961.253
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		2.349.459.762	1.056.089.197
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		314.579.205.437	108.728.467.685

Người lập biểu

TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

128
ÔNG
NHIỆP
DÂN
JAN
TP. H56003
CÓN
CÔ P
P ĐOÀ
K
NH P

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Địa chỉ: 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		453.773.143.062	94.733.943.758
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	453.773.143.062	94.733.943.758
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	446.189.417.780	92.747.459.000
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.583.725.282	1.986.484.758
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	5.402.044.635	700.386.854
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	6.974.436.200	579.920.542
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.772.863.690	344.213.289
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	1.101.252.636	93.000.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	2.166.197.512	968.711.472
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.743.883.569	1.045.239.598
31	11. Thu nhập khác		223	212.644.750
32	12. Chi phí khác	VI.7	89.960.706	5.621.343
40	13. Lợi nhuận khác		(89.960.483)	207.023.407
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.653.923.086	1.252.263.005
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	304.463.324	196.173.808
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.349.459.762	1.056.089.197
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	795	357
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	795	357

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



TRẦN THU GIANG

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

NGUYỄN ĐỨC HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Địa chỉ: 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.653.923.086	1.252.263.005
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(397.930.149)	373.450.053
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	VI.10	212.311.433	29.236.764
	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		18.939.363	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(5.402.044.635)	-
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	4.772.863.690	344.213.289
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.255.992.937	1.625.713.058
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(104.233.111.709)	(69.656.606.198)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(77.252.170.642)	(2.338.018.359)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		126.806.482.132	44.489.266.099
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.176.391.342	(1.135.648.478)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.4	(4.772.863.690)	(344.213.289)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.12	(236.895.392)	(505.083.993)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(56.256.175.022)	(27.864.591.160)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(68.050.000.000)	(26.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		54.606.000.000	23.200.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.158.457.137	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.285.542.863)	(2.800.000.000)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.14	240.884.893.563	39.503.462.500
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.14	(164.276.605.000)	(12.767.812.500)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		76.608.288.563	26.735.650.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		9.066.570.678	(3.928.941.160)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	2.132.409.238	6.061.350.398
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	11.198.979.916	2.132.409.238

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ

KTT

TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

94.C
Y
U TU
A NG

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty chủ yếu kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã tập trung đẩy mạnh, mở rộng thị trường kinh doanh thương mại hạt nhựa và bột nhựa nguyên sinh. Ngoài ra, do diễn biến thuận lợi của thị trường làm sản lượng xuất bán của Công ty tăng cao đặc biệt trong quý 4, dẫn đến doanh thu bán hàng của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 12 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 11 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÀU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có năm hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07
Máy móc và thiết bị	06 – 10

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

0303
C
TRÁCH
JEM T
CHI
V S -

4084
TY
HÂN
ĐẦU
IT
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hóa:

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

128
ÔNG
NHIỆM
ĐẢN V
JAN
TP. H

C.T.C.P
TƯ
NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được tính vào giá vốn.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	848.155.893	1.135.223.470
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.236.592.052	997.185.768
- Tiền đang chuyển (*)	7.114.231.971	-
Cộng	11.198.979.916	2.132.409.238

(*) Là khoản tiền đang chuyển tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà để thanh toán tiền hàng bằng L/C Upas cho Công ty Cổ phần Nhà và Thương Mại Dầu Khí (xem thuyết minh số V.12).

175.
TY
HỮU
TẬP
VIỆ
C

M.S.D.N.060
C
C
TẬP E
THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,8%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Hà.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chủ yếu là nợ phải thu bán bột nhựa, hạt nhựa nguyên sinh.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bên liên quan	-	68.517.429.381
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	-	45.108.724.381
- Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình	-	23.408.705.000
Phải thu các khách hàng khác	60.193.142.232	6.794.620.500
- Công ty Cổ phần Nhựa TSP	17.616.323.670	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch Vụ An Phú Vĩnh	13.710.790.000	-
- Công ty Cổ phần Tân Hưng	6.920.000.000	-
- Công ty Cổ phần Trường An	6.422.130.000	-
- Các khách hàng khác	15.523.898.562	6.794.620.500
Cộng	<u>60.193.142.232</u>	<u>75.312.049.881</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho bên liên quan	70.000.000.000	4.144.288.000
- Ông Nguyễn Đức Hiếu ⁽¹⁾	70.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	-	4.144.288.000
Trả trước cho khách hàng khác	31.974.850.000	2.505.250.000
- Bà Trần Thị Thúy Vân ⁽²⁾	19.755.000.000	-
- Bà Doãn Thị Thanh Vân ⁽³⁾	10.000.000.000	-
- Người bán khác	2.219.850.000	2.505.250.000
Cộng	<u>101.974.850.000</u>	<u>6.649.538.000</u>

⁽¹⁾ Là khoản trả trước cho Ông Nguyễn Đức Hiếu theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/HĐĐC – CN CP/KTT ngày 28/12/2021. Theo đó, Ông Nguyễn Đức Hiếu (bên chuyển nhượng) chuyển nhượng 1.500.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, tương ứng 15.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Phát triển thương mại tổng hợp và đầu tư Hải Phòng.

⁽²⁾ Là khoản trả trước cho Bà Trần Thị Thúy Vân theo Hợp đồng đặt cọc số 2686/HĐMB/KTT-TS01 ngày 02/12/2021 và Hợp đồng đặt cọc số 8268/HĐMB/KTT-TS02 ngày 14/12/2021 để mua đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 847 tờ bản đồ số 32, đường Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, tổng diện tích 1.752,4 m².

⁽³⁾ Là khoản trả trước cho Bà Doãn Thị Thanh Vân theo Hợp đồng đặt cọc số 8888/HĐMB/KTT-TS03 ngày 16/12/2021 để mua đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 201 tờ bản đồ số 62, khu phố Vân Trì, xã Vân Nội, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, diện tích 703,3 m².

C.T.Đ. T. HẠN VẤN T. HÍ MINH

0324
ÔNG
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
KTT
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nai, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu về cho vay các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu về cho vay các khách hàng khác</i>	17.794.000.000	8.800.000.000
- Nguyễn Công Quyết	2.500.000.000	-
- Nguyễn Khánh Toàn	2.500.000.000	-
- Phan Thị Thu Trang	2.500.000.000	-
- Lưu Thị Huệ	2.000.000.000	-
- Phạm Thị Lan	2.000.000.000	-
- Nguyễn Thế Anh	2.000.000.000	1.400.000.000
- Tạ Như Bắc	1.644.000.000	-
- Bùi Đức Lợi	1.500.000.000	-
- Tạ Như Cương	1.150.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	7.400.000.000
Cộng (*)	<u>17.794.000.000</u>	<u>8.800.000.000</u>

⁽¹⁾ Là các khoản cho vay theo Hợp đồng cho vay có thời hạn 06 tháng, lãi suất 15%/năm..

Tất cả các hợp đồng cho vay đều không có tài sản đảm bảo hoặc cam kết bảo lãnh của bên thứ ba.

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khác các bên liên quan</i>	1.360.560.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc ⁽¹⁾	1.360.560.000	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	12.723.661.548	5.000.003.184
- Ký quỹ, ký cược	5.840.634.050	-
- Tạm ứng ⁽²⁾	5.000.000.000	5.000.000.000
- Khác	1.883.027.498	3.184
Cộng	<u>14.084.221.548</u>	<u>5.000.003.184</u>

⁽¹⁾ Là khoản phải thu lợi nhuận phân chia hợp tác với Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc (xem thuyết minh V.6b).⁽²⁾ Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyễn Hương Trang	2.500.000.000	-
- Nguyễn Thị Thương	2.500.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	5.000.000.000
Cộng	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 68/2021/HĐHTKD/KTT-VB ngày 18/2/2021 ký với Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc. Mục tiêu là cùng hợp tác, điều hành, quản lý và chia sẻ lợi nhuận có được từ việc hợp tác kinh doanh buôn bán hạt nhựa và vật liệu xây dựng. Thời hạn hợp đồng là 2 năm, bắt đầu từ ngày 20/2/2021 đến ngày 20/2/2023. Hết thời hạn hợp đồng, hai bên có thể thỏa thuận gia hạn thêm thời hạn của hợp đồng hoặc thỏa thuận ký kết hợp đồng mới tùy vào điều kiện kinh doanh của hai bên.

NHẬT HẠ

084
TY
AN
HAU T
HA

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nai, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang ⁽¹⁾	1.000.000.000	-	-	-
Hàng hóa ⁽²⁾	80.808.689.001	-	4.556.518.359	-
Cộng	81.808.689.001	-	4.556.518.359	-

⁽¹⁾ Là kinh phí tài trợ phát triển dự án khu dân cư số 1, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên theo văn bản số 2220/UBND-TCKH của UBND huyện Phú Bình. Tổng kinh phí tài trợ dự kiến là 5.000.000.000 đồng đã được Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua theo Nghị quyết số 1511/2021/NQ-HĐQT ngày 15/11/2021.

⁽²⁾ Hàng hóa là hạt nhựa và đang gửi tại kho của người bán.

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	71.572.727	71.572.727
- Tăng trong năm	1.290.214.287	-	1.290.214.287
Tăng do nâng cấp tài sản	1.290.214.287	1.290.214.287	1.290.214.287
- Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.290.214.287	71.572.727	1.361.787.014
Tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	32.272.727	32.272.727
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	41.671.946	41.671.946
- Khấu hao trong năm	191.142.852	21.168.581	212.311.433
- Tăng khác	95.571.468	-	95.571.468
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	286.717.320	62.840.527	349.557.847
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	29.900.781	29.900.781
Số cuối năm ^(*)	1.003.496.967	8.732.200	1.012.229.167

^(*) Trong đó giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.

9. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản mua 5.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, mệnh giá trái phiếu 1.000.000 đồng/trái phiếu. Ngày phát hành là 24/12/2020, kỳ hạn 07 năm và đáo hạn vào ngày 24/12/2027. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ: lãi suất 5 năm đầu tiên bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,3%/năm; năm thứ 6 và năm thứ 7 bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,5%/năm. Trái phiếu này Công ty dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả người bán đối tượng khác</i>	83.332.594.775	35.462.463.988
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kiên Long	17.608.531.285	9.800.673.300
- Tổng Công ty Hóa Chất và Dịch Vụ Dầu Khí - CTCP - CNDV Hóa Chất Dầu Khí	9.707.818.659	22.786.253.600
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Sản xuất Nhật Phát	9.065.493.751	-
- Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Bao bì Kiến Á	8.875.020.000	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bao bì & Nhựa Thanh Bào	8.454.600.000	-
- Các nhà cung cấp khác	29.621.131.080	2.875.537.088
Cộng	83.332.594.775	35.462.463.988

Số dư nợ quá hạn tại ngày 31/12/2021 là 0 đồng.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của đối tượng khác</i>	44.852.050.000	1.921.679.694
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại nhựa An Dương ⁽¹⁾	30.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Kanetora Việt Nam ⁽²⁾	14.850.000.000	-
- Các đối tượng khác	2.050.000	1.921.679.694
Cộng	44.852.050.000	1.921.679.694

⁽¹⁾ Là khoản Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại nhựa An Dương trả trước tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng số 02.2021/HĐBH/KTT-AD ngày 02/12/2021.⁽²⁾ Là khoản Công ty Cổ phần Kanetora Việt Nam trả trước tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng số 1612/2021/HĐMB/KTT-KANETORA ngày 16/12/2021 và Hợp đồng số 2912/2021/HĐMB/KTT-KANETORA ngày 29/12/2021.**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	-	-	45.575.302	(45.575.302)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	203.182.617	-	304.463.324	(236.895.392)	270.750.549	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	19.743.670	(19.743.670)	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	3.554.768	-	33.817.737	(30.216.311)	7.156.194	-
- Phí, lệ phí, phạt chậm nộp thuế	-	-	37.472.493	(44.210.756)	-	6.738.263
- Các khoản thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	206.737.385	-	444.072.526	(379.641.431)	277.906.743	6.738.263

TRẮC
KIỂM
CH
15.M.S.D.N.0
TẬP
THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

12a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

12b. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.653.923.086	1.252.263.005
- Các khoản điều chỉnh tăng:	228.953.534	148.978.482
+ Chi phí khấu hao không hợp lệ	191.142.852	-
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	37.810.682	148.978.482
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	2.882.876.620	1.401.241.487
Thu nhập được miễn thuế	(1.360.560.000)	-
- Tổng thu nhập tính thuế	1.522.316.620	1.401.241.487
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	304.463.324	280.248.297
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập tính thuế trong năm được giảm 30% (*)	-	(84.074.492)
Tổng số thuế TNDN phải nộp	304.463.324	196.173.808

(*) Doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 của Công ty vượt quá 200 tỷ đồng và tăng so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019, do đó Công ty không thuộc trường hợp được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2021 theo quy định tại khoản 2, điều 1, Nghị định 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021.

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn khác đối tượng khác	45.636.205.144	9.614.886.168
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Hà (*)	45.424.665.408	9.614.886.168
- Các đối tượng khác	211.539.736	-
Cộng	45.636.205.144	9.614.886.168

(*) Là khoản phải trả Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà về các khoản thanh toán bằng L/C Upas cho Công ty CP Nhà và Thương Mại Dầu Khí theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐMB-2021/PVPLD-KTT.

3128
CÔNG
H NHIỆ
TOÁN
UÂN
TP. H

00324
ÔNG
Ồ PH
ĐOÀN
KT
4 PH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tài sản đảm bảo:

- Do bà Nguyễn Thị Nhung (người có liên quan đến bà Nguyễn Thị Nhân – thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc Công ty) bảo lãnh bằng tổng giá trị 8.790.000.000 đồng, gồm: Nhà ở riêng, diện tích 284,00m² và thửa đất số 77, tờ bản đồ số 122, diện tích 60m² tại địa chỉ B10, tập thể Viện Công nghệ Laser, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội (xem thuyết minh VII.3).
- Do ông Nguyễn Đức Hiếu (chủ tịch HĐQT Công ty) bảo lãnh bằng các Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 35.055.200.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Hà (xem thuyết minh VII.3).

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	103.343.938.563	103.343.938.563	26.735.650.000	26.735.650.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Tây Đô ⁽¹⁾	85.752.058.810	85.752.058.810	21.167.000.000	21.167.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Hà ⁽²⁾	17.591.879.753	17.591.879.753	5.568.650.000	5.568.650.000
Cộng	103.343.938.563	103.343.938.563	26.735.650.000	26.735.650.000

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô theo Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202000765 ngày 29/10/2020 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung số 1462-LAV-202000765-03 ngày 22/4/2021:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh 2020 – 2021;
- Thời hạn cho vay: theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 05 tháng;
- Lãi suất cho vay: 8%/năm.
- Tài sản đảm bảo:
 - + 5.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tổng giá trị là 5.000.000.000 đồng (xem thuyết minh V.9);
 - + Do ông Nguyễn Đức Hiếu (chủ tịch HĐQT Công ty) bảo lãnh bằng các Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, giá trị 9.825.000.000 đồng; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số DC25 tờ bản đồ số QH, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh VII.3);
 - + Do bà Đặng Thùy Dương (thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty) bảo lãnh bằng các Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, giá trị 9.300.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh VII.3);
 - + Do bà Nguyễn Thị Nhung (người có liên quan đến bà Nguyễn Thị Nhân – thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc Công ty) bảo lãnh bằng thửa đất số 117, tờ bản đồ số 74, diện tích 100,9m² tại địa chỉ Tổ dân phố An Đào, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội (xem thuyết minh VII.3);

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

+ Do Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị KTTland, tên cũ là Công ty TNHH Premier Central (có Bà Nguyễn Thị Nhung là thành viên góp vốn) bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: BT-01 Trung tâm Thương mại và nhà ở Xây lắp điện 1, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (xem thuyết minh VII.3).

(2) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2021/1446074/HĐTD ngày 10/12/2021:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Thời hạn cho vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
- Lãi suất cho vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Tài sản đảm bảo:

+ Do ông Nguyễn Đức Hiếu (chủ tịch HĐQT Công ty) bảo lãnh bằng các Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, giá trị 35.055.200.000 đồng Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Thái Hà (xem thuyết minh VII.3);

+ Do bà Nguyễn Thị Nhung (người có liên quan đến bà Nguyễn Thị Nhân – thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc Công ty) bảo lãnh bằng xe ô tô con 07 chỗ Huyndai Santafic màu đen biển số 30H-122.93 (xem thuyết minh VII.3).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng	26.735.650.000	239.184.893.563	(162.576.605.000)	103.343.938.563
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	1.700.000.000	(1.700.000.000)	-
Cộng	26.735.650.000	240.884.893.563	(164.276.605.000)	103.343.938.563

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

15b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Nguyễn Tiến Sỹ	3.212.000.000	10,87	-	-
- Ông Phạm Văn Quân	2.050.000.000	6,94	-	-
- Các cổ đông khác	24.288.000.000	82,19	29.550.000.000	100,00
Cộng	29.550.000.000	100,00	29.550.000.000	100,00

Chi tiết vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2021.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	29.550.000.000	29.550.000.000	-
Cộng	29.550.000.000	29.550.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

15c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp đầu năm	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.550.000.000	29.550.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	2.955.000	2.955.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Là doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, khác.

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, khác.

3. Doanh thu tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, cho vay	3.696.484.635	700.386.854
- Lãi trái phiếu	345.000.000	-
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.360.560.000	-
Cộng	5.402.044.635	700.386.854

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	4.772.863.690	344.213.289
- Các chi phí khác	2.201.572.510	235.707.253
Cộng	6.974.436.200	579.920.542

NHỮNG

M.S.D.N:060
C
C
TẬP
THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	297.524.642	93.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	801.759.813	-
- Các chi phí khác	1.968.181	-
Cộng	<u>1.101.252.636</u>	<u>93.000.000</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	1.032.979.109	483.680.328
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.311.433	29.236.764
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	920.906.970	455.794.380
Cộng	<u>2.166.197.512</u>	<u>968.711.472</u>

7. Chi phí khác

Chủ yếu là phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.349.459.762	1.056.089.197
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.349.459.762	1.056.089.197
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>795</u>	<u>357</u>

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.349.459.762	1.056.089.197
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.349.459.762	1.056.089.197
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>795</u>	<u>357</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	1.330.503.751	576.680.328
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	212.311.433	29.236.764
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	1.724.634.964	455.794.380
Cộng	<u>3.267.450.148</u>	<u>1.061.711.472</u>

M.S.D.N: 0
TR
KIẾ
C
QUẢN

0324
ĐNG
Ở PH
ĐOÀN
KT
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập Báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1.	Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2.	Bà Đặng Thùy Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3.	Bà Nguyễn Thị Nhân	Thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/06/2021)
5.	Bà Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng
6.	Bà Nguyễn Thị Nhung	Người có liên quan đến Bà Nguyễn Thị Nhân
7.	Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	Công ty có thành viên HĐQT trong Công ty giữ vai trò chủ chốt
8.	Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình	Công ty có thành viên HĐQT trong Công ty giữ vai trò chủ chốt
9.	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	Công ty có Giám đốc có liên quan đến thành viên chủ chốt
10.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị KTTland (tên cũ là Công ty TNHH Premier Central).	Công ty có thành viên góp vốn có liên quan đến thành viên chủ chốt

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Bà Đặng Thùy Dương	Tổng Giám đốc	84.640.625	26.826.923
- Bà Nguyễn Thị Nhân	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 09/03/2021)	64.245.536	-
- Ông Nguyễn Đình Thi	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09/06/2021)	116.342.021	24.500.000
- Bà Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	57.577.946	40.192.000
Cộng		322.806.128	91.518.923

Trong năm, các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

3031
CÔ
CH NI
M TOA
HU
F - TP

084
TY
ÂN
ĐẦU
T
5 H

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÀU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

- Ông Nguyễn Đức Hiếu (chủ tịch HĐQT) bảo lãnh cho Công ty bằng:
 - + Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị 35.055.200.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà để đảm bảo cho Công ty mở L/C Upas tại Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (xem thuyết minh số V.13);
 - + Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng với giá trị 9.825.000.000 đồng; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số DC25 tờ bản đồ số QH, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh số V.14).
- Bà Đặng Thùy Dương (thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty) bảo lãnh các Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng, giá trị 9.300.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh số V.14).
- Bà Nguyễn Thị Nhung (người có liên quan đến Bà Nguyễn Thị Nhân – thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc Công ty) bảo lãnh cho Công ty bằng:
 - + Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 74, diện tích 100,9m² tại địa chỉ Tổ dân phố An Đào, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh số V.14).
 - + Xe ô tô con 07 chỗ Huyndai Santafic màu đen biển số 30H-122.93 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Thái Hà (xem thuyết minh số V.14).

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Số dư với thành viên quản lý chủ chốt được thể hiện ở Thuyết minh V.4.

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**Giao dịch với các bên liên quan khác**

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group		
- Doanh thu bán hàng hóa	-	58.169.788.983
- Thu tiền bán hàng hóa	45.108.724.376	-
Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình		
- Doanh thu bán hàng hóa	-	21.280.640.909
- Thu tiền bán hàng hóa	23.408.705.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc		
- Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	10.000.000.000	-
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh được chia	1.360.560.000	-
- Chi tiền đặt cọc	-	4.688.000.000
- Thu tiền đặt cọc	4.144.288.000	-

2817
 NG T
 HIỆM H
 N VÀ T
 AN V
 HỒ

C.T.
 T
 N

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

161 Nguyễn Ngọc Nai, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đức Hiếu		
Trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Phát triển Thương mại Tổng hợp và Đầu tư Hải Phòng	70.000.000.000	-

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị KTTland, tên cũ là Công ty TNHH Premier Central (có Bà Nguyễn Thị Nhung là thành viên góp vốn) đã thế chấp quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: BT-01 Trung tâm Thương mại và nhà ở Xây lắp điện 1, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô (xem thuyết minh số V.14).

Số dư với các bên liên quan khác

Số dư với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.3, V.4, V.6.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh bán thành phẩm, hàng hóa, khác.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIẾU



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Địa chỉ: 161 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khuong Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 01

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3=2+1
Tại ngày 01/01/2020	29.550.000.000	4.180.961.253	33.730.961.253
Tăng trong năm	-	1.056.089.197	1.056.089.197
- Lợi trong năm	-	1.056.089.197	1.056.089.197
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2020	29.550.000.000	5.237.050.450	34.787.050.450
Tại ngày 01/01/2021	29.550.000.000	5.237.050.450	34.787.050.450
Tăng trong năm	-	2.349.459.762	2.349.459.762
- Lợi trong năm	-	2.349.459.762	2.349.459.762
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	29.550.000.000	7.586.510.212	37.136.510.212

Người lập biểu

TRẦN THU GIANG

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ HUYỀN TRANG

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

